TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST
Ngày: 30-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1035/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: 198 T, Phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Văn L - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, chi nhánh Quảng Ngãi (Theo Giấy ủy quyền số: 636/UQ-VCB.PC ngày 15/10/2021); địa chỉ: 345 H, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn L: Bà Nguyễn Thị Lệ A - Phó trưởng phòng xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 17-01/2023/UQ-NHNT.QNg ngày 18/4/2023); địa chỉ: 345 H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1980 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/02/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày:

Ngày 10/7/2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ và ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N ký hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP, theo đó, Ngân hàng cho ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N vay số tiền 2.500.000.000đồng; mục đích vay là để thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Ngân hàng đã giải ngân cho ông S, bà N nhận đủ số tiền vay nêu trên, cụ thể như sau:

- Ngày 14/7/2017 nhận 1.500.000.000đồng (theo giấy đề nghị rút vốn kiêm giấy nhận nợ số 684/2017/VCB.ĐP);

- Ngày 28/7/2017 nhận 500.000.000đồng (theo giấy đề nghị rút vốn kiêm giấy nhận nợ số 738/2017/VCB.ĐP);

- Ngày 21/8/2017 nhận 500.000.000đồng (theo giấy đề nghị rút vốn kiêm giấy nhận nợ số 805/2017/VCB.ĐP).

Ngày 30/8/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ và ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N ký hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP, theo đó, Ngân hàng cho ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N vay số tiền 300.000.000đồng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động khai thác thủy sản; thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên. Ngân hàng đã giải ngân cho ông S, bà N nhận đủ số tiền vay nêu trên vào ngày 30/8/2022 (theo giấy nhận nợ số 530/2022/VCB.ĐP).

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên thì ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị E có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

- Ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N thế chấp 02 tàu cá, gồm: Tàu cá số đăng ký QNG-94563-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 1061/17 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017) và tàu cá số đăng ký QNG-94273-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 554/18 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 14/8/2018 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018).

- Bà Huỳnh Thị E thế chấp thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2, tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020); đồng thời, do hiện nay căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên thuộc sở hữu hợp pháp của bà E nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu, bà E ký giấy cam kết nếu phải xử lý quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì bà E đồng ý xử lý luôn nhà và công trình xây dựng gắn liền với đất.

Quá trình trả nợ vay thì ông S, bà N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Tính đến thời điểm hiện nay (hết ngày 30/9/2023) thì ông S, bà N còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:

- Tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP ngày 10/07/2017 là: 707.935.212đồng, trong đó: Nợ gốc: 648.417.078đồng; nợ lãi trong hạn: 53.162.899đồng; nợ lãi quá hạn: 6.355.235đồng.

- Tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP ngày 30/8/2022 là: 323.810.548đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.183.836đồng; nợ lãi quá hạn: 6.626.712đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, bà N trả cho Ngân hàng các khoản nợ nêu trên. Trường hợp ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017, Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018 và tài sản bảo đảm của bà Huỳnh Thị E theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị E trình bày:

Do bà Huỳnh Thị N là em ruột của bà nên ngày 03/11/2020 bà có ký với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP, theo đó bà đồng ý thế chấp thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2, tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ.

Nay, ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà ông S, bà N đã ký kết với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 14/02/2023 là 971.810.956đồng (*Chín trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 958.417.078 đồng, nợ lãi trong hạn là: 12.998.768 đồng, nợ lãi quá hạn là: 395.110 đồng; buộc ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP ngày 10/07/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP ngày 30/8/2022, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án tuyên bản án/ký quyết định cho đến ngày thực tế ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017 và Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018 và tài sản bảo đảm của bà Huỳnh Thị E theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng TMCP N. Tuy nhiên, do hiện nay việc làm ăn của vợ chồng ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị N đang khó khăn nên không có đủ khả năng trả hết nợ một lần cho Ngân hàng. Do đó, bà yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện để ông S, bà N trả nợ dần và không tiến hành xử lý tài sản bảo đảm của bà là thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2, tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N nhưng ông S và bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn

không chấp hành đúng quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Buộc ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2023) là 1.031.745.760đồng, trong đó:

+ Tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP ngày 10/07/2017 là: 707.935.212đồng, trong đó: Nợ gốc: 648.417.078đồng; nợ lãi trong hạn: 53.162.899đồng; nợ lãi quá hạn: 6.355.235đồng.

+ Tổng số nợ theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP ngày 30/8/2022 là: 323.810.548đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.183.836đồng; nợ lãi quá hạn: 6.626.712đồng.

Buộc ông S, bà N phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

+ Tàu cá số đăng ký QNG-94563-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 1061/17 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017);

+ Tàu cá số đăng ký QNG-94273-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 554/18 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 14/8/2018 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018);

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2 (đo đạc thực tế là 40,3m^2) tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020).

Ông S, bà N phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi xác lập các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ thì ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N có nơi cư trú tại Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, tại thời điểm Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện thì ông S và bà N không có mặt tại địa phương. Việc ông S, bà N thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ số tiền cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2017 ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N ký hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP vay số tiền 2.500.000.000đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ đã giải ngân cho ông S, bà N nhận đủ số tiền vay nêu trên (theo các giấy đề nghị rút vốn kiêm giấy nhận nợ số 684/2017/VCB.ĐP ngày 14/7/2017, 738/2017/VCB.ĐP ngày 28/7/2017 và 805/2017/VCB.ĐP ngày 21/8/2017).

Ngày 30/8/2022 ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N ký hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP vay số tiền 300.000.000đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ đã giải ngân cho ông S, bà N nhận đủ số tiền vay nêu trên vào ngày 30/8/2022 (theo giấy nhận nợ số 530/2022/VCB.ĐP).

[2.2] Trong quá trình trả nợ vay, ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông S, bà N vẫn không thực hiện.

[2.3] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2023), thì ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ tổng số tiền là 1.031.745.760đồng, cụ thể như sau:

- Tổng số nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP ngày 10/07/2017 là: 707.935.212đồng, trong đó: Nợ gốc: 648.417.078đồng; nợ lãi trong hạn: 53.162.899đồng; nợ lãi quá hạn: 6.355.235đồng.

- Tổng số nợ theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP ngày 30/8/2022 là: 323.810.548đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.183.836đồng; nợ lãi quá hạn: 6.626.712đồng.

[2.4] Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ 02 tàu cá, gồm: Tàu cá số đăng ký QNG-94563-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 1061/17 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017) và tàu cá số đăng ký QNG-94273-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 554/18 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 14/8/2018 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018). Ngoài ra, bà Huỳnh Thị E (là chị của bà Huỳnh Thị N) đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2 (đo đạc thực tế là 40,3m^2), tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020).

[2.6] Các hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng hợp pháp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực tại thời điểm đăng ký. Mặc dù tại Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020 không thể hiện bà Huỳnh Thị E thế chấp tài sản gắn liền với đất (vì tài sản gắn liền với đất chưa có chứng nhận sở hữu), nhưng tại giấy cam kết ngày 03/11/2020 bà E xác định các tài sản gắn liền với đất do bà E tạo lập và trọn quyền sở hữu hợp pháp, bà E dùng để đảm bảo cho vợ chồng ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đ. Do đó, tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất.

[2.7] Tại Điều 4, phần I của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020, hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017 và hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018 quy định: *"Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm khi xảy ra ít nhất một sự kiện vi phạm ..."*. Do đó, trường hợp ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm: Tàu cá số đăng ký QNG-94563-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 1061/17 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017); tàu cá số đăng ký QNG-94273-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số N^{o}: 554/18 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 14/8/2018 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018); quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2 (đo đạc thực tế là 40,3m^2), tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020).

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải chịu 5.500.000đồng chi phí tố tụng (gồm: 2.000.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.500.000đồng chi phí đo đạc). Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã nộp 5.500.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N 5.500.000đồng.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 36.000.000đồng + (231.745.760đồng x 3%) = 42.952.000đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.577.000đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 157, 158, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 317, 318, 319, 320, 323, 325, 299 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Buộc ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2023) là 1.031.745.760đồng, cụ thể:

- Tổng số nợ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP ngày 10/07/2017 là: 707.935.212đồng, trong đó: Nợ gốc: 648.417.078đồng; nợ lãi trong hạn: 53.162.899đồng; nợ lãi quá hạn: 6.355.235đồng.

- Tổng số nợ theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP ngày 30/8/2022 là: 323.810.548đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.183.836đồng; nợ lãi quá hạn: 6.626.712đồng.

3. Kể từ ngày 01/10/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 650/2017/NHNT.ĐP ngày 10/7/2017 và hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 530/2022/NHNT.QNg-ĐP ngày 30/8/2022.

4. Trường hợp ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Tàu cá số đăng ký QNG-94563-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số Nº: 1061/17 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 410/2017/HĐTC.ĐP ngày 03/10/2017);

- Tàu cá số đăng ký QNG-94273-TS cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số Nº: 554/18 do Chi cục thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 14/8/2018 cho

ông Nguyễn S (theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thuỷ nội địa số 403/2018/HĐTC.ĐP ngày 24/8/2018);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 574, tờ bản đồ số 38, diện tích 41,7m^2 (đo đạc thực tế là 40,3m^2) tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ (nay là phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128/2020/HĐTC.ĐP ngày 03/11/2020).

5. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải chịu 5.500.000đồng chi phí tố tụng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã nộp 5.500.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N 5.500.000đồng.

7. Về án phí: Ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị N phải chịu 42.952.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.577.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005535 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

9. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Lê Phong